

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 366 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2019

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Nguyễn Nhựt Thảo

2/- Ông Phạm Thạch Út

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thanh N, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Số 757/29, khóm B, phường Bình Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Võ Văn Thành T, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Bình P, xã Bình H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 18/7/2019 nguyên đơn chị Huỳnh Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Văn Thành T kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng

không được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn Thành T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung tên Võ Thành Nh, sinh ngày 28/3/2014, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Văn Thành T: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thanh N là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Võ Văn Thành T là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Huỳnh Thanh N và anh Võ Văn Thành T .

[2] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thanh N và anh Võ Văn Thành T kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N và anh T chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và hai bên ly thân cho đến nay. Về phía anh T qua 2 lần Tòa án mời đến để hòa giải, nhưng phía anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm. Qua xác minh mâu thuẫn ông Võ Văn P cha ruột anh Võ Văn Thành T trình bày: Do N không muốn sống bên chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó thì N và T về bên vợ sống nhưng được thời gian ngắn thì T về đây sống còn N thì ở bên N cho đến nay, theo ông thì khả năng hàn gắn không còn vì hiện nay phía T cũng đồng ý ly hôn với N. Xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Võ Thành Nh, sinh ngày 28/03/2014. Hiện cháu Nh đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Nh sống với chị N về vật chất lẫn tinh thần đã tạm ổn

định, nghĩ không nên làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu nên để cháu Nhân cho chị N được tiếp tục nuôi con là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Huỳnh Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thanh N.

Chị Huỳnh Thanh N được ly hôn với anh Võ Văn Thành T. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138 ngày 22/8/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị Huỳnh Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thành Nh, sinh ngày 28/3/2014. Anh Võ Văn Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh T, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Huỳnh Thanh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004354 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Huỳnh Thanh N và anh Võ Văn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (đề thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa